

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi đỗ thải tại
Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng và Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Uông Bí đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 2999/2016/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh “Về việc Quy định hướng dẫn quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước và dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”;

Văn bản số 2548/UBND-QH1 ngày 09/5/2016 của UBND Tỉnh về việc Công ty Than Nam Mẫu - TKV nghiên cứu lập quy hoạch, đầu tư xây dựng Bãi đỗ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí;

Văn bản số 6248/UBND-QH1 ngày 04/10/2016 của UBND Tỉnh về việc gia hạn thời hạn lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bãi đỗ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí;

Căn cứ Quyết định số 7814/QĐ-UBND ngày 14/12/2016 của UBND thành phố Uông Bí “V/v phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi đỗ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí”;

Văn bản số 3940/SDX-QH ngày 28/12/2016 của Sở Xây dựng về tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết Bãi đỗ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí.

Xét đề nghị của phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 274 /TTr-QLĐT
ngày 29 / 12 /2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi đổ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, ranh giới nghiên cứu: Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí; có ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp các mặt bằng cửa lò đang hoạt động của Công ty Than Nam Mẫu - TKV;

+ Phía Nam giáp đồi núi;

+ Phía Đông giáp đồi núi;

+ Phía Tây giáp đồi núi và tuyến đường vận chuyển than nội bộ.

2. Diện tích nghiên cứu: Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch 427.191,3 m² (42,71913 ha) được giới hạn và khép góc bởi các điểm 1, 2, 3,..., 35, 36, 1 như trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

3. Đơn vị nghiên cứu quy hoạch: Công ty Than Nam Mẫu-TKV.

4. Tính chất: Là bãi thải phục vụ đổ thải trong quá trình sản xuất than với dung tích chứa lớn (khoảng 6,3 triệu m³).

5. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cân bằng sử dụng đất

Stt	Danh mục sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng mặt bằng	53.920,60	12,6
1	Kho mìn 25 tấn	16.352,50	3,8
	Đất xây dựng công trình	325,30	0,1
	Cây xanh	9.002,90	2,1
	Sân đường nội bộ+ đất khác	7.024,30	1,6
2	MB sân công nghiệp hiện trạng cải tạo +200	37.568,10	8,8
	Đất xây dựng công trình	966,70	0,2
	Tuyến mương thoát nước	1.338,10	0,3
	Cây xanh	20.030,60	4,7

2016

	Sân đường nội bộ + đất khác	15.232,70	3,6
II	Đất xây dựng bãi thải + công trình phụ trợ bãi thải	293.073,40	68,6
	Đất giao thông (sau khi kết thúc đổ thải)	17.480,70	4,1
	Công trình phụ trợ bãi thải	18.170,20	4,3
	Diện tích xây dựng bãi thải còn lại	257.422,50	60,3
II	Đất cây xanh cách ly	75.161,20	17,6
IV	Đất giao thông và đất khác	5.036,10	1,2
	Tổng	427.191,30	100,0

Bảng Danh mục công trình

Stt	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng mặt bằng	MB		53.920,6		12,6
1	Kho mìn 25 tấn	MB1		16.352,5		3,8
	Kho thuốc nổ 10 tấn (xây dựng mới)	1	2 kho	129,9	1	0,030
	Kho phụ kiện nổ (xây dựng mới)	2	2 kho	48,9	1	0,011
	Bể nước cứu hỏa (xây dựng mới)	3	1 bể	32,0		0,007
	Nhà gia công vật liệu nổ (xây dựng mới)	4	1 nhà	21,0	1	0,005
	Kho thuốc nổ 5 tấn (hiện trạng cải tạo)	5	1 kho	53,9	1	0,013
	Kho phụ kiện nổ (hiện trạng cải tạo)	6	1 kho	33,6	1	0,008
	Nhà bảo vệ (xây dựng mới)	7	1 nhà	6,0	1	0,001
	Cây xanh cách ly			9.002,9		2,107
	Sân đường nội bộ+ đất khác			7.024,3		1,644
2	MB sân công nghiệp hiện trạng cải tạo +200	MB2		37.568,1		8,8
	Trạm quạt gió (hiện trạng)	1	1 nhà	421,0	1	0,099

	cải tạo)					
	Nhà đề pô (hiện trạng cải tạo)	2	1 nhà	162,6	1	0,038
	Nhà giao ca (hiện trạng cải tạo)	3	2 nhà	203,6	1	0,048
	Trạm cắt (hiện trạng cải tạo)	4	1 nhà	179,5	1	0,042
	Cửa lò +200-I1	5				
	Cửa lò +200-IA	6				
	Tuyến mương thoát nước			1.338,1		0,313
	Cây xanh cách ly			20.030,6		4,689
	Sân đường nội bộ + đất khác			15.232,7		3,566
II	Đất xây dựng bãi thải + công trình phụ trợ bãi thải	BT		293.073,4		68,6
	Đất giao thông (sau khi kết thúc đổ thải)			17.480,7		4,1
	Tuyến mương thoát nước			10.265,9		2,4
	Đê chắn chân bãi thải	DC	1 đê	5.087,2		1,2
	Hồ lắng + Đập	HL	1 hồ	2.817,1		0,7
	Diện tích xây dựng bãi thải còn lại			257.422,5		60,3
III	Đất cây xanh cách ly	CX		75.161,2		17,6
	Đất cây xanh 1	CX1		17.477,6		4,1
	Đất cây xanh 2	CX2		21.997,5		5,1
	Đất cây xanh 3	CX3		2.070,3		0,5
	Đất cây xanh 4	CX4		33.615,8		7,9
IV	Đất giao thông và đất khác			5.036,1		1,2
	Tổng			427.191,3		100,0

6. Cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch, kiến trúc

Quy hoạch chi tiết xây dựng Bãi đổ thải tại Tiểu khu 33 Than Thùng, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí được lập trên cơ sở:

DA

- Mục tiêu của dự án: Xây dựng bãi thải phục vụ đổ thải trong quá trình sản xuất than với dung tích chứa lớn (6,3 triệu m³), đổ thải từ cốt +140 đến cốt +250, đảm bảo sự ổn định cho quá trình đổ thải với thời gian đổ thải dài. Đồng thời, giảm chi phí sản xuất do quãng đường xe vận chuyển đổ thải ngắn.

- Nội dung bố trí tổng mặt bằng:

+ Cải tạo, mở rộng kho mìn 5 tấn trong khu vực thành kho mìn 25 tấn để thay thế cho kho mìn 20 tấn phải di chuyển.

+ Giữ lại các công trình và mặt bằng cửa lò hiện có trên Mặt bằng +200.

+ Thiết kế bãi thải: Đổ thải bằng ô tô theo quy trình đổ bãi thải thấp, dự kiến đổ thải từ cốt + 140 đến cốt + 250, dung tích khoảng 6,3 triệu m³ đất đá.

+ Khu vực phía Bắc và Tây Bắc bãi thải: Xây dựng hệ thống mương hồ thu nước trên các mặt bằng cửa lò +200IA, mặt bằng cửa lò +200II để ngăn nước từ khu vực địa hình có cốt cao trên mức +200 nhằm bảo vệ các công trình và mặt bằng cửa lò hiện có trên Mặt bằng +200;

+ Khu vực phía Tây và Tây Nam bãi thải: Xây dựng tuyến mương dẫn nước đảm bảo đón nước mặt, chạy men theo sườn đồi phía Tây - Nam giáp đường bê tông xuống suối số 4. Tận dụng khu vực sườn đồi trồng làm đê chắn đất đá trong quá trình đổ thải cũng như tận dụng hệ thống cây xanh khu vực sườn đồi làm dải cây xanh cách ly bãi thải để hạn chế phát tán bụi;

+ Khu vực phía Đông bãi thải: Xây dựng hệ thống thoát và dẫn nước đảm bảo đón nước mặt, chạy men theo sườn đồi phía Đông xuống suối số 4. Tận dụng khu vực sườn đồi trồng làm đê chắn đất đá trong quá trình đổ thải cũng như tận dụng hệ thống cây xanh khu vực sườn đồi làm dải cây xanh cách ly bãi thải để hạn chế phát tán bụi;

+ Xây dựng đê chắn chân bãi thải và đập chắn bằng rọ đá để ngăn cách bãi thải ở phía hạ lưu, kết hợp với địa hình hiện tại tạo thành hồ môi trường có dung tích chứa nước khoảng 5.000 m³ nhằm lắng lọc bùn thải trước khi thoát nước ra suối hiện có.

* Giải pháp bố trí Tổng mặt bằng kho mìn 25 tấn

Khu kho vật liệu nổ 5 tấn (hiện có) sẽ mở rộng để bố trí thêm khu vực kho chứa 20 tấn để thành khu kho vật liệu nổ 25 tấn. Cụ thể:

- Giữ lại kho chứa thuốc nổ 5 tấn và kho phụ kiện nổ hiện trạng. Đầu tư xây dựng mới thêm 02 nhà kho chứa thuốc nổ (chứa 10 tấn/kho) và 02 nhà kho phụ kiện nổ;

- Xây dựng mới nhà gia công vật liệu nổ và hệ thống sân bãi, bể nước cứu hoả;

Toàn bộ hệ thống kho chứa xung quanh được bao bọc bởi các quả đồi nhỏ và hệ thống ụ chắn. Các nhà kho được bố trí theo hướng Bắc - Nam đảm bảo thoáng mát, tránh được ánh nắng chiếu trực tiếp vào kho theo qui trình, qui phạm;

BA

Vị trí kho thuốc nổ 25 tấn được lựa chọn ở phía Tây Bắc khu vực quy hoạch, xa khu dân cư và các công trình đảm bảo tính toán theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, QCVN 02 : 2008/BCT;

Căn cứ vào Quy chuẩn Việt Nam số QCVN 02: 2008/BCT “ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ”, trong nhà kho các nhà được bố trí đảm bảo khoảng cách an toàn như sau:

- Khoảng cách về an toàn truyền nổ: Tính toán theo phụ lục D QCVN 02: 2008/BCT. Tra bảng D5 khi dung lượng bảo quản của các kho là: 5 tấn và 10 tấn với khu vực đặt thuốc nổ là để ngầm ta có khoảng cách an toàn truyền nổ: 13,5 – 15,5 m;

- Khoảng cách vành đai an toàn kho (Khoảng cách an toàn về sóng không khí):

+ Theo đặc điểm địa hình khu vực đặt kho 2 hướng (hướng Tây, Tây Bắc) đều là các triền đồi bao bọc; hướng Nam và Đông Nam được bố trí các ụ chắn, theo bảng D.7 – QCVN 02: 2008/BCT thì khoảng cách an toàn về sóng không khí từ kho chứa VLNCN có nhà kho chứa lượng thuốc nổ lớn nhất là 10 tấn là 100 m (Đối với các kho ngầm, đắp ụ xung quanh);

Với các đặc điểm nêu vị trí đặt kho và giải pháp thiết kế các ụ chắn đảm bảo an toàn về sóng không khí;

Hàng rào bảo vệ được bố trí xung quanh mặt bằng kho, cách tường nhà kho từ 26,1 đến 63,9m. Toàn bộ khu vực xung quanh kho chứa được phát quang đảm bảo không có cây cối dễ gây cháy. Phía ngoài hàng rào đến ranh giới vành đai an toàn kho là khu vực cấm và bố trí các biển cấm tụ tập đông người, cấm đốt lửa.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

- Đường giao thông hiện trạng phía Tây và Tây Nam khu vực quy hoạch định hướng mặt cắt 1-1, chỉ giới đường đỏ 12,0m; gồm: phần xe chạy 6,0m + lề đường 2x3,0m;

- Đường giao thông vào mặt bằng +200 và lên tầng bãi thải cao nhất +250 được đấu nối với tuyến đường bê tông hiện trạng phía Tây Nam, bám theo mặt tầng +195; mặt cắt 2-2, chỉ giới đường đỏ 10,5m; gồm: phần xe chạy 7,5m + lề đường 2x1,5m;

- Đường vào kho mìn đấu nối với tuyến đường hiện trạng phía Tây, mặt cắt 3-3, chỉ giới đường đỏ 7,0m; gồm: phần xe chạy 5,0m + lề đường 2x1,0m;

- Độ dốc dọc, bán kính đường cong nằm các tuyến đường theo tiêu chuẩn.

7.2. Quy hoạch cao độ đồ thải

- Đất đá thải được vận chuyển bằng ô tô tự đổ lên bãi thải và đổ trực tiếp xuống sườn tầng thải. Để đảm bảo an toàn cho các thiết bị làm việc trên mặt bãi thải, tại mép tầng thải cần tạo đê an toàn có chiều cao bằng 1/2 đường kính lốp xe (cụ thể chọn cao $\geq 0,6\text{m}$, rộng $\geq 1,2\text{m}$);

- Mặt bãi thải được tạo độ nghiêng về phía trong với độ dốc 3% - 5% nhằm thoát nước tốt và tránh xói mòn, trôi đất đá bãi thải khi có mưa;

- Cao độ đổ thải Max: +250. Các thông số của bãi thải được xác định phù hợp với công nghệ và trình tự đổ thải đã chọn, cụ thể như sau:

- + Chiều cao tầng thải: 15÷30 m;
- + Góc nghiêng sườn tầng thải: 25÷35°;
- + Độ dốc mặt tầng thải: 3% - 5%;
- + Chiều rộng mặt tầng thải công tác: 30÷80 m;
- + Chiều rộng mặt tầng thải khi kết thúc: 30 m;
- + Chiều rộng mặt đê an toàn: 5,0 m.

- Khu kho mìn: cao độ thiết kế lớn nhất +251,50 m; thấp nhất +250m (hệ cao độ Nhà nước Vn 2000); độ dốc thiết kế trung bình $i=2,0\%$;

- Khu mặt bằng trạm quạt và trạm điện: Khu vực này không san gạt nhiều chỉ san gạt cục bộ cho phù hợp với hệ thống thoát nước bãi thải. Trên cơ sở tôn trọng hiện trạng cao độ không chế của khu này là +195,0 ÷ +196,50 m; độ dốc mặt cải tạo từ 0,5% - 3,0%.

7.3. Quy hoạch thoát nước

- Các tuyến thoát nước chính:

+ Tuyến thứ nhất: Gồm 2 nhánh và 1 tuyến mương hở chính có kết cấu đáy đổ bê tông, kè đá hoặc đổ bê tông cốt thép hai bên, có kích thước: B đáy $\leq 5\text{m}$, H $\leq 2\text{m}$ mái dốc = 1/m (m tùy chọn theo địa hình cụ thể để xác định trị số cho phù hợp); Tuyến đê chính chạy men theo sườn đồi phía Đông xuống suối số 4, thu nước trên các mặt bằng cửa lò + 200 IA, mặt bằng cửa lò + 200II để ngăn nước từ khu vực địa hình có cốt cao trên mức +200 nhằm bảo vệ các công trình và mặt bằng cửa lò hiện có trên mặt bằng +200;

+ Tuyến thứ hai: chạy men theo sườn đồi phía Tây Nam giáp đường bê tông xuống suối số 4. Trong quá trình hình thành các tầng bãi thải, nước mặt sẽ tự chảy theo khe giữa địa hình tự nhiên với tầng thải. Khi kết thúc quá trình đổ thải, tiến hành xây dựng mương kiên cố như tuyến thứ nhất bám theo chân bãi thải;

- Thoát nước cho các tầng thải: Hệ thống rãnh nước tại chân các tầng bãi thải được xây dựng khi từng tầng đổ thải hoàn thiện. Kết cấu rãnh đất hình thang đáy rộng 1,0m, cao 1,0m;

- Hệ thống rãnh thoát dọc đường ô tô: Hệ thống rãnh thoát nước dọc đường ô tô được bố trí để thu nước mưa từ mặt đường và các mái ta luy hai bên đường.

Tiết diện rãnh hình thang hoặc hình chữ nhật, bề rộng tối thiểu rãnh đáy là $b = 400\text{mm}$;

- Hệ thống rãnh thoát nước trong các mặt bằng: Bố trí rãnh thu nước dạng rãnh hở hoặc rãnh đáy đan. Thu dẫn nước thoát vào hệ thống thoát nước khu vực. Rãnh thoát nước kết cấu rãnh xây gạch hoặc đá hộc tiết diện tối thiểu $500 \times 500\text{mm}$.

- Hồ lắng, giảm xung và các công trình chống trôi lấp của bãi thải:

+ Tại các vị trí cần thiết phải giảm tốc độ dòng chảy để bảo vệ kết cấu mương rãnh, lắng đất đá chống bồi lấp trên các tuyến mương chính và tại cuối các rãnh thoát nước chân tầng thải phải bố trí các hồ lắng, giảm xung;

+ Hệ thống đê ngăn đất đá thải: Xây dựng tuyến đê tại chân bãi thải để ngăn chặn đất đá thải và hướng dòng chảy về hồ lắng. Tuyến đê được thiết kế với quy mô như sau: Chiều dài đê: $L = 156\text{ m}$; Kết cấu đê bằng đất đắp đầm chặt $K=0,95$; Chiều rộng mặt đê $B= 5,0\text{m}$; Ta luy đắp $1/1,50$; Chiều cao trung bình đê $H_{tb} = 5,0\text{m}$;

- Hồ lắng và đập: Bố trí hồ lắng và đập phía hạ lưu các tuyến mương hở chính. Toàn bộ lượng nước mưa thu gom từ các lưu vực phải qua hồ lắng để xử lý lắng trước khi xả vào suối thoát nước hiện có. Thiết kế cống tràn từ hồ lắng thoát ra suối và cần tiến hành nạo vét hồ lắng và hồ lắng thường xuyên để đảm bảo năng lực thoát nước của toàn hệ thống.

7.4. Quy hoạch cấp nước

- Hiện trạng hệ thống cấp nước cho khu vực kho mìn 5 tấn và khu vực mặt bằng $+ 200$ đã có;

- Sau khi đổ thải xong tầng ở mức $+ 195$ bổ sung 01 tuyến ống cấp nước vào các bể cứu hỏa của mặt bằng kho mìn 25 tấn;

- Vật liệu ống cấp nước: sử dụng ống nhựa HDPE chịu được áp lực cao.

7.5. Quy hoạch cấp điện

- Công suất tính toán cho các công trình phụ trợ và các bãi thải: $47,27\text{kW}$; công suất biểu kiến $61,06\text{kVA}$;

- Nguồn điện: Lấy từ trạm biến áp phân phối $35(6)/0,4\text{kV}$ hiện đang cấp cho khu vực khai thác mỏ. Hiện có các tuyến điện 35kV , 6kV , $0,4\text{kV}$ đi trên các cột bê tông li tâm chạy qua khu đất quy hoạch;

- Lưới điện trung áp: Giữ nguyên toàn bộ tuyến cáp điện cấp điện cho các trạm quạt gió và các cửa lò. Cải tạo dịch chuyển các tuyến điện 6kV chạy qua khu bãi thải chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch mới. Toàn bộ cáp điện trung áp đi theo sườn đồi treo trên các cột bê tông;

- Lưới điện hạ áp: Từ tủ điện phân phối của trạm biến áp đi các đường trục hạ áp đi trên các cột bê tông li tâm cấp điện cho các công trình;

- Hệ thống chiếu sáng: Khu vực các mặt bằng được chiếu sáng bởi 03 vị trí bằng các cột thép cao 25m trên gắn các đèn pha cao áp $6 \times 1000\text{W}$. Các đèn chiếu

sáng được điều khiển bởi tủ điều khiển chiếu sáng đóng ngắt bằng tay đặt tại nhà bảo vệ và nhà trạm cắt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Công ty than Nam Mẫu - TKV phối hợp với phòng Quản lý đô thị, UBND xã Thượng Yên Công công bố công khai quy hoạch theo quy định; tổ chức triển khai và quản lý quy hoạch đã được phê duyệt; thực hiện việc lập, trình duyệt thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật đảm bảo khớp nối với các quy hoạch lân cận trước khi tổ chức thi công theo quy hoạch; Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình theo quy hoạch được duyệt, Công ty Than Nam Mẫu-TKV hoàn thiện thủ tục liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt di chuyển kho mìn hiện trạng và vị trí, quy mô kho mìn bố trí tại vị trí mới trong đồ án quy hoạch;

- Phòng Quản lý đô thị thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định; Phối hợp với Công ty than Nam Mẫu - TKV, UBND xã Thượng Yên Công thực hiện công bố, công khai quy hoạch; quản lý về xây dựng;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Công ty than Nam Mẫu - TKV hoàn thiện các thủ tục về đất đai môi trường theo quy định; quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao;

- Phòng Kinh tế, Hạt kiểm lâm Thành phố hướng dẫn Công ty than Nam Mẫu - TKV thực hiện các thủ tục trồng rừng thay thế đối với diện tích rừng bị thu hồi;

- UBND xã Thượng Yên Công phối hợp với Công ty than Nam Mẫu - TKV công bố công khai quy hoạch; quản lý, giám sát việc xây dựng công trình theo đúng quy hoạch được duyệt; phối hợp với Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm trật tự xây dựng.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND & UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế; Chủ tịch UBND xã Thượng Yên Công; Hạt trưởng hạt kiểm lâm Ưông Bí; Giám đốc Công ty than Nam Mẫu - TKV; Thủ trưởng các phòng, ban và đơn vị của Thành phố có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Sở Xây dựng (B/c);
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tú